TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG ĐIỀN** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2018
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Hồ Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Cảnh Ngưu.
2. Bà Đỗ Thị Vinh Mỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Năm - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà*: Ông Đặng Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm: 1981. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Phú Lương A, xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Phan Đình T, sinh năm: 1980. Có mặt.

Nơi cư trú: Thôn Thanh Hà, xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 27/02/2018; bản tự khai ngày 22/3/2018 và tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày: Chị và anh Phan Đình T tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế vào năm 2001. Quá trình chung sống vợ chồng được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, anh T thường xuyên gây gổ, chửi bới và đánh đập chị T. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống hôn nhân cũng như mọi vấn đề khác trong cuộc sống. Mâu thuẫn giữa hai anh chị ngày càng trầm trọng hơn dẫn đến việc chị T bỏ nhà ra đi. Chị T và anh T đã ly thân hơn 3 năm nay. Thời gian chị T bỏ nhà ra đi làm ăn, chị có gửi tiền về chu cấp cho con nhưng

anh T không nhận, cũng không cho con chị nhận. Còn nói các con không cho gặp chị, nếu gặp thì anh T sẽ đánh các con nên các con chị sợ không dám gặp chị. Từ đó, giữa chị T và anh T mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Nay, chị T có đơn xin ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Anh Phan Đình T và chị Phan Thị T có 03 con chung. Cháu Phan Thị Thu T, sinh ngày 17/12/2002, cháu Phan Thị Mỹ H, sinh ngày 25/11/2009 và cháu Phan Bá T, sinh ngày 27/4/2011. Nay, ly hôn chị T xin được nuôi cháu Phan Thị Mỹ H, sinh ngày 25/11/2009. Giao cháu Phan Thị Thu T, sinh ngày 17/12/2002 và cháu Phan Bá T, sinh ngày 27/4/2011 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 22/3/2018 và tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Phan Đình T trình bày: Anh T và chị T đi đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện không có ai bị ép buộc hay bị lừa dối. Quá trình chung sống vợ chồng giữa anh chị có mâu thuẫn, hai vợ chồng không ai nhịn ai nên xảy ra cãi vả dẫn đến việc anh T đánh đập chị T. Sau đó, chị T bỏ nhà đi từ ngày 23/12/2014 cho đến nay mới về xin ly hôn anh T và xin nuôi một con chung. Về tình cảm vợ chồng anh T xét thấy không còn tình cảm gì với chị T nên xin được thuận tình ly hôn với chị T; còn việc chị T xin nuôi một con chung anh T không đồng tình mà anh T xin nuôi cả 03 con chung. Anh T không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Phan Thị T và bị đơn anh Phan Đình T vẫn giữ nguyên quan điểm của mình như ý kiến trình bày ở phần nội dung vụ án. Chị T trình bày nếu được quyền nuôi con chung thì chị T sẽ đưa cháu vào ở trọ cùng với chị tại tỉnh Đồng Nai để thuận tiện cho công việc của chị. Sau đó, chị sẽ chuyển trường cho cháu vào học ở trong đó luôn.

Tại phiên tòa hôm nay, cháu Phan Thị Thu T, cháu Phan Thị Mỹ H, và cháu Phan Bá T vẫn giữ nguyên nguyện vọng của mình là được sống cùng với anh T.

-Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay:

+Về thủ tục tố tụng : Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; xử cho chị T được ly hôn với anh T.

Về con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; xử giao 03 con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không yêu cầu

chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng: Chị phan Thị T và anh Phan Đình T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế vào năm 2001. Sau kết hôn chị T cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T không hạnh phúc, do tính tình không hợp, anh T hay đánh đập chị để chị phải bỏ nhà ra đi nên chị viết đơn xin ly hôn với anh T. Xét việc xin ly hôn của chi T là đúng pháp luật. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân gia đình và Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh T với chị T tại gia đình và địa phương nơi anh T và chị T cư trú. Qua xác minh thấy rằng chị T và anh T đã ly thân nhau hơn ba năm nay, trình trạng hôn nhân mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng.

2. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Phan Thị T và anh Phan Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quảng Thành, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 28/3/2001, điều kiện và thủ tục kết hôn đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng được một thời gian thì giữa chị T và anh T thường xuyên cãi vả, gây gỗ, đánh đập nhau, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nguyên nhân do hai vợ chồng tính tình không hợp,nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, sống ly thân đã hơn ba năm nay và không còn tình cảm gì với nhau nữa. Như vậy, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nghĩ cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị T được ly hôn với anh Phan Đình T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung. Cháu Phan Thị Thu T, sinh ngày 17/12/2002, cháu Phan Thị Mỹ H, sinh ngày 25/11/2009 và cháu Phan Bá T, sinh ngày 27/4/2011. Hiện nay, cháu T, cháu H và cháu T đang sống cùng với anh T. Tại phiên tòa cả ba cháu có nguyện vọng ở với ba (anh T) và ở cùng ba chị em với nhau để sinh hoạt và học hành cùng nhau. Ly hôn chị T xin

được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phan Thị Mỹ H, sinh ngày 25/11/2009. Xét hoàn cảnh của chị Thanh hiện tại đang sống ở nhà trọ (chưa ổn định chổ ở), thu nhập cũng như công việc làm chưa ổn định, nên nghĩ chấp nhận nguyện vọng của ba cháu được sống cùng nhau để sinh hoạt và học hành là chính đáng.

Về việc đóng phí tổn nuôi con chung: Anh T không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Phan Thị T phải chịu án phí dân sự sở thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khỏan 1 Điều56 và Điều 81, 82, 83, Luật Hôn nhân &Gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Phan Thị T được ly hôn với anh Phan Đình T.

2.Về con chung: Giao 03 con chung: Cháu Phan Thị Thu T, sinh ngày 17/12/2002, cháu Phan Thị Mỹ H, sinh ngày 25/11/2009 và cháu Phan Bá T, sinh ngày 27/4/2011 cho anh Phan Đình T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Phan Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản, nợ chung: Chị Phan Thị T và anh Phan Đình T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Chị Phan Thị T đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai số AA/2013/002573 ngày 02/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Điền. Chị Phan Thị T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Thuận

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKSND huyện Quảng Điền;
-THA.DS huyện Quảng Điền;
-UBND xã Quảng Thành;
-Các đương sự .
-Lưu HS;AV.